TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **22**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 19-6-2017
V/v: Ly hôn giữa bà H và ông L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ,TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Diệp Lai

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Trần Văn Trọng

2.Bà Huỳnh Thị Thuận

***-Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Duy Đạt -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ,tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ,tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19-6-2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ,tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2017/TLST-HNGĐ ngày 30-3-2017 về tranh chấp "*Ly hôn,tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31-05-2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Bạch Thị Thu H-sn:1993 (có mặt)

Địa chỉ: tổ A, khu phố B, thị trấn H, huyện K, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2.Bị đơn: Ông Dương Văn L-sn:1988 (có mặt)

Địa chỉ: tổ AB, ấp C, xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-3-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà Bạch Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H và ông L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau đầu năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34/2015 ngày 14-7-2015. Bà H và ông L chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng nhất là vấn đề về kinh tế, ông L đi làm về có đưa tiền cho bà H nhưng chỉ đủ nuôi con còn lại bao nhiêu ông L sử dụng như thế nào bà H không biết, hai bên thường xuyên gây gổ, quen nhau gần 10 năm mới

cưới nhau nhưng ông L lại nghe lời người khác về xúc phạm bà H và cả cha mẹ bà H nữa dù vợ chồng sống bên nhà bà H, ông L thường xuyên nhậu về quậy phá nhà cửa, coi thường vợ con có lần còn đánh bà H khi bà H mới sinh con được vài tháng, ông L có xin lỗi nhưng sau đó vẫn tiếp diễn, vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không được.Từ giữa năm 2016 bà H và ông L đã sống ly thân, bà H cảm thấy giữa hai bên không còn tình cảm, không còn quan tâm tới nhau nữa nên bà H đề nghị được ly hôn với ông L.

Về nuôi con chung: Bà H và ông L có 01 con chung là Dương Ngọc Bích T sinh ngày 08-05-2016. Hiện con chung đang sống cùng bà H, bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Lcấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Bà H hiện đi làm công ty lương tháng khoảng 3.000.000đ còn ông L là tài xế nhưng bà H không biết lương ông L là bao nhiêu

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Lcó nhưng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

-Tại bản tự khai ngày 11-4-2017 và trong quá trình xét xử,bị đơn ông Dương Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Ông L thống nhất như lời trình bày của bà H về thời gian và điều kiện kết hôn.Về nguyên nhân mâu thuẩn theo ông L sau khi lấy nhau vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẩn nhất định,có lời qua tiếng lại nhưng ông L không xúc phạm bà H cũng như gia đình bà H, ông L chỉ đề nghị vợ chồng đã sống riêng thì đừng có can thiệp vào chuyện riêng của vợ chồng,hai bên gây gổ vài lần có dẫn đến xô xát,l úc nóng nảy ông L có đánh bà H mấy cái. Tuy nhiên do công việc thường xuyên đi xa nên vợ chồng ít có thời gian làm hòa, ông L đã xin lỗi bà H nhưng bà H không đồng ý mà nhất định đòi ly hôn. Ông L còn yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về nuôi con chung: Ông L thống nhất như bà H trình bày. Nếu phải ly hôn thì do con dưới 36 tháng tuổi nên ông Lcũng đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng và ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ theo yêu cầu của bà H, cấp dưỡng vào ngày 10 tây hàng tháng, ông L hiện là tài xế chạy tuyến Vũng Tàu-Sài Gòn, lương tháng khoảng 8.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà H có nhưng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS.

Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy hôn nhân giữa các bên là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp,qua chứng cứ có trong hồn sơ và trình bày của các bên tại phiên tòa hôm nay có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẩn giữa các bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng nên có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Vợ chồng có 01 con chung sinh 08-5-2016, ông L cũng đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, thống nhất mức cấp dưỡng là 2.000.000đ nên ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên. Về tài sản chung và nợ chung có nhưng bà H và ông L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng,Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ,tỉnh BRVT nhận định:

[1]*Về thẩm quyền*: Đây là quan hệ về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và bị đơn trú tại huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

[2]*Về yêu cầu*:

[2.1]*Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa bà H và ông L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34/2015 ngày 14-7-2015 (BL 11) nên là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Về mâu thuẩn vợ chồng theo bà H thì do vợ chồng không có tiếng nói chung,thường xuyên bất đồng nhất là vấn đề về kinh tế, ông L đi làm về có đưa tiền cho bà H nhưng chỉ đủ nuôi con còn lại bao nhiêu ông L sử dụng như thế nào bà H không biết, hai bên thường xuyên gây gổ, quen nhau gần 10 năm mới cưới nhau nhưng ông L lại nghe lời người khác về xúc phạm bà H và cả cha mẹ bà H nữa dù vợ chồng sống bên nhà bà H, ông L thường xuyên nhậu về quậy phá nhà cửa, coi thường vợ con có lần còn đánh bà H khi bà H mới sinh con được vài tháng, ông L có xin lỗi nhưng sau đó vẫn tiếp diễn, vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không được.Từ giữa năm 2016 bà H và ông L đã sống ly thân, bà H cảm thấy giữa hai bên không còn tình cảm, không còn quan tâm tới nhau nữa nên bà H đề nghị được ly hôn với ông

L. Còn theo ông L thì sau khi lấy nhau vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẩn nhất định,có lời qua tiếng lại nhưng ông L không xúc phạm bà H cũng như gia đình bà H, ông L chỉ đề nghị vợ chồng đã sống riêng thì đừng có can thiệp vào chuyện riêng của vợ chồng, hai bên gây gổ vài lần có dẫn đến xô xát, lúc nóng nảy ông L có đánh bà H mấy cái.Tuy nhiên do công việc thường xuyên đi xa nên vợ chồng ít có thời gian làm hòa, ông L đã xin lỗi bà H nhưng bà H không đồng ý mà nhất định đòi ly hôn. Ông L còn yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Qua trình bày về mâu thuẩn vợ chồng giữa các bên thể hiện trong cuộc sống vợ chồng thực tế đã xảy ra mâu thuẩn, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, xúc phạm nhau còn đánh đập nhau, điều nay cũng phù hợp với xác minh thực tế tại địa phương nơi vợ chồng chung sống thể hiện vợ chồng có xảy ra mâu thuẩn, hiện ông L không còn chung sống với bà H (BL 26A) nên xét thấy vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẩn trầm trọng, không tôn trọng và quan tâm lẫn nhau, đã sống ly thân nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu của bà H là có cơ sở nên chấp nhận theo yêu cầu của bà H là được ly hôn với ông L.

[2.2]*Về nuôi con chung*: Bà H và ông L thống nhất có 01 con chung là Dương Ngọc Bích T sinh ngày 08-05-2016 (BL 12), hiện con chung đang sống cùng bà H, việc này địa phương cũng xác nhận (BL 26A). Các bên cùng thống nhất là ly hôn thì bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ, cấp dưỡng vào ngày 10 tây hàng tháng, điều này phù hợp với quy định tại các Điều 81,82,116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[2.3]*Về tài sản chung*: Bà H và ông L có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết. Xét thấy việc thỏa thuận này của các bên phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không xem xét đến vấn đề này, nếu sau này các bên liên quan có tranh chấp sẽ được giải quyết thành 01 vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[2.4]*Về nợ chung*: Bà H và ông L có nợ chung nhưng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết. Xét thấy việc thỏa thuận này của các bên phù hợp với quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không xem xét đến vấn đề này, nếu sau này các bên liên quan có tranh chấp sẽ được giải quyết thành 01 vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[3]*Về án phí*: Do là nguyên đơn nên bà H phải chịu án phí ly hôn và do phải cấp dưỡng nuôi con nên ông L phải chịu án phí cấp dưỡng, đây đều là loại án phí không có giá ngạch được quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a

khoản 6 Điều 27, tiểu mục 1.1, Mục 1,Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]*Về quyền kháng cáo*: Bà H và ông L được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

-Các Điều 56, 57, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 85, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

-Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27, tiểu mục 1.1,Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Bà Bạch Thị Thu H được ly hôn với ông Dương Văn L.

2.Về nuôi con chung: Bà H và ông L có 01 con chung là Dương Ngọc Bích T sinh ngày 08-05-2016, hiện con chung đang sống cùng bà H. Bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), cấp dưỡng vào ngày 10 tây hàng tháng, đợt cấp dưỡng đầu tiên bắt đầu từ sau khi án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn bà H, ông L đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom,chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung: Bà H và ông L có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết

4.Về nợ chung: Bà H và ông L có nợ chung nhưng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết

5.Về án phí:

5.1.Bà H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003398 ngày 30-3-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà H đã nộp đủ án phí ly hôn.

5.2.Ông L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND xã L;
-Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Diệp Lai